

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT,
Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT, Thông tư số 02/2006/TT-BTS,
Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng nông lâm thủy sản và Thủy sản và Cục trưởng Cục Thú y,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 quy định chứng nhận và xác nhận thủy sản (gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT), Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển

và quy định chi tiết Điều 3 của Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản (gọi tắt là Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT), Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (gọi tắt là Thông tư số 02/2006/TT-BTS), Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS (gọi tắt là Thông tư số 62/2008/TT-BNN) và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động (gọi tắt là Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT

1. Khoản 1, khoản 2 và khoản 9 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“1. Thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác là việc kiểm tra hồ sơ, giám sát trực tiếp quá trình lên bến của nguyên liệu thủy sản, đối chiếu thông tin, xác nhận nguồn gốc nguyên liệu dự kiến đưa vào chế biến xuất khẩu không vi phạm các quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp.

2. Thẩm định chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu là việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra xác suất quá trình xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, cấp giấy chứng nhận của cơ quan thẩm quyền đối với lô hàng xuất khẩu, chế biến từ nguyên liệu thủy sản được xác nhận có nguồn gốc từ nguyên liệu khai thác không vi phạm các quy định về khai thác bất hợp pháp theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

9. Cơ quan thẩm quyền là Chi cục Thủy sản, Tổ chức quản lý cảng cá và Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng”.

2. Điều 5 được sửa đổi như sau:

“Điều 5. Cơ quan thẩm quyền thẩm định xác nhận, chứng nhận

1. Tổ chức quản lý cảng cá thực hiện việc thẩm định, cấp giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp.

2. Chi cục Thủy sản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông này thực hiện việc thẩm định, cấp giấy chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp.

3. Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng quy định tại Phụ lục III Thông tư này thực hiện kiểm tra, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.”

3. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**“Điều 6. Thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản**

1. Trước khi tàu cập cảng ít nhất 01 giờ, chủ hàng thông báo bằng điện thoại hoặc văn bản cho Tổ chức quản lý cảng cá thông tin về số hiệu tàu, thời gian dự kiến tàu cập cảng, sản lượng dự kiến lên cảng.

2. Tổ chức quản lý cảng cá cử cán bộ kiểm tra thực tế tại tàu:

a) Đối với tàu khai thác thủy sản: đối chiếu, giám sát khối lượng, thành phần loài khai thác trên tàu phù hợp với nhật ký khai thác;

b) Đối với tàu dịch vụ hậu cần nghề cá: đối chiếu, giám sát khối lượng, thành phần loài theo nhật ký thu mua chuyển tải và nhật ký khai thác của tàu được thu mua chuyển tải.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm lên cá, chủ hàng phải hoàn thiện hồ sơ gửi tổ chức quản lý cảng cá trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để đề nghị xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản. Hồ sơ (01 bộ) gồm:

a) Hai (02) giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao chụp nhật ký khai thác thủy sản (đối với tàu khai thác thủy sản);

c) Bản sao chụp nhật ký thu mua, chuyển tải và nhật ký khai thác của tàu được thu mua chuyển tải (đối với tàu thu mua chuyển tải).

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Tổ chức quản lý cảng cá có trách nhiệm đối chiếu thông tin tại tờ khai với danh sách tàu khai thác bất hợp pháp; nhật ký khai thác với thông tin về vị trí hoạt động của tàu do các trạm bờ cung cấp (đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên), ký, trả cho chủ hàng 01 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ. Trường hợp không ký giấy xác nhận, Tổ chức quản lý cảng cá phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Tổ chức quản lý cảng cá trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho chủ hàng

6. Chủ hàng nộp phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.”

4. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:**“Điều 7. Thẩm định chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu**

1. Chủ hàng có nhu cầu chứng nhận thủy sản khai thác nộp 02 (hai) bộ hồ sơ đến một trong các cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác.

2. Hồ sơ đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác gồm:

a) Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu. Trường hợp lô hàng sử dụng nguyên liệu từ nhiều hơn 01 (một) tàu hoặc trường hợp nguyên liệu mua từ 01 (một) tàu nhưng được chế biến thành nhiều lô hàng thì phải kèm theo các thông tin bổ sung quy định tại Phụ đính Va ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản kê khai Phụ đính Thông tin vận tải (theo mẫu quy định tại Phụ đính Vb ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Bản sao chụp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác;

3. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ hàng, cơ quan thẩm quyền xem xét hồ sơ, kiểm tra thông tin trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và thực hiện:

a) Chứng nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và trả 01 (một) bộ hồ sơ cho chủ hàng, 01 (một) bộ lưu tại cơ quan thẩm quyền;

b) Không chứng nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong hồ sơ hoặc sử dụng nguyên liệu thủy sản từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan thẩm quyền trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho chủ hàng.

5. Chủ hàng nộp phí thẩm định chứng nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.

5. Điều 9 được sửa đổi như sau:

“Điều 9. Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu:

1. Chủ hàng có nhu cầu xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ thủy sản khai thác nhập khẩu nộp 02 (hai) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm quyền (quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này) để đề nghị xác nhận.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm:

a) Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (bản chính hoặc bản sao);

b) Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo

Thông tư này) hoặc mẫu Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác xuất khẩu khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

3. Nội dung kiểm tra để xác nhận:

a) Đối chiếu thông tin về tàu cá khai thác và các thông tin khác (quốc gia có tàu mang cờ, khối lượng, chủng loại thủy sản) trong các giấy chứng nhận khai thác do Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho các lô nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam với các thông tin sau:

Danh sách tàu cá vi phạm IUU của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu và của các Tổ chức nghề cá khu vực - RFMOs được Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận;

Danh sách các tàu cá có đăng ký và được cấp phép khai thác (bao gồm thông tin về: loài thủy sản, khu vực, mùa vụ khai thác) của các Tổ chức nghề cá khu vực - RFMOs được Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận (đối với các quốc gia có tàu mang cờ là thành viên của các tổ chức này);

b) Đối chiếu khối lượng, chủng loại nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu với các thông tin về lô hàng nhập khẩu được Cục Thú y kiểm tra, chứng nhận kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm khi nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Đối chiếu khối lượng, chủng loại nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu với hồ sơ thống kê xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu và hồ sơ giám sát trong quá trình kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm các lô hàng thủy sản khai thác xuất khẩu;

d) Các quy định khác của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu về cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

4. Cơ quan thẩm quyền xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu trong trường hợp lô hàng đáp ứng các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không xác nhận cam kết, Cơ quan thẩm quyền phải có văn bản trả lời chủ hàng nêu rõ lý do lô hàng không đáp ứng.

5. Thủ tục xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu được kết hợp đồng thời cùng các thủ tục kiểm tra, cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu được quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.”